

QUYẾT ĐỊNH
Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

1. Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm:

a) Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm là 1,5% áp dụng đối với đất đô thị được quy định theo khu vực, tuyến đường tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành.

b) Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm là 0,5% áp dụng đối với các trường hợp:

b.1) Đất thuộc khu kinh tế cửa khẩu; dự án xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

b.2) Đất thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư; ngoại trừ đất đô thị quy định tại điểm a khoản này.

Việc xác định địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; dự án thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, đặc biệt ưu đãi đầu tư được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

c) Đất bãi bồi ven sông để trồng trọt hoặc nuôi trồng thủy sản, tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm là 1,0%; ngoại trừ đất đô thị quy định tại điểm a khoản này.

d) Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm là 1,0% áp dụng đối với các trường hợp còn lại.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất):

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất được tính bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

3. Tỷ lệ phần trăm (%) mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai:

a) Đối với phần diện tích đất không có mặt nước: xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo mức tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với phần diện tích đất có mặt nước: xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 50% đơn giá thuê đất trả tiền hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giá định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

4. Việc xác định đơn giá thuê đất của từng dự án cụ thể được thực hiện theo Quy định tại Điều 29 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

5. Các nội dung khác liên quan đến thu tiền thuê đất không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại các Nghị định và các Thông tư hướng dẫn có liên quan về pháp luật đất đai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 3 năm 2025, thay thế Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- CT & các PCT/UBND Tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Các ban Đảng và đoàn thể Tỉnh;
- Công báo Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT + NC/KT.bnt.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Trí Quang